

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Ủy nhiệm chi số 136 ngày 03/8/2022)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MÀM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**
- I. Nội dung đề nghị thanh toán:**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền khoản	Chi chủ học bổng	
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐT, CSTĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác						
									Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ mầm non 25-35%	Chính sách thu hút GVMN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HBND	Tiền hỗ trợ TNTT theo NQ03/2018/HBND và NQ 04/2022/HBND quý 2/2022			Tiền khen thưởng A,B,C học kỳ 2 năm học 2021-2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
Tổng số					-	-	-	-							
I	Đối với công chức, viên chức:				-	-	-								
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	1.908.000											
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	1.908.000											
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	1.908.000											
4	Phạm Thị Hồng Ván	0101386707	NH Đông Á	1.908.000											
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	1.908.000											
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	1.908.000											
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	1.908.000											
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	1.908.000											
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	1.908.000											
10	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	1.908.000											
11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	1.908.000											
12	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	1.908.000											
13	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	1.908.000											
14	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	1.908.000											
15	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	636.000											
16	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	1.908.000											
17	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	1.908.000											
18	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	1.908.000											

		Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền khoản học bổng	Ghi chú
STT	Họ và tên	Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QP : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LBTT, CSTĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác				Tiền khen thưởng A,B,C học kỳ 2 năm học 2021-2022	Phụ cấp trách nhiệm		
									Phụ cấp an dãi 35%	PC hỗ trợ miễn non 25-35%	Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND	Tiền hỗ trợ TN/TT theo NQ03/2018/HĐND và NQ 04/2022/HĐND qui 2/2022				
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
21	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đồng Á	445.200									445.200			
23	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
28	Nguyễn Thị Thùy Trang	0107817774	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
29	Nguyễn Song Hà Ny	0110899069	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
31	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
32	Đinh Thị Thủy Trang	0111469091	NH Đồng Á	318.000									318.000			
33	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
II Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP				9.540.000			-	-					9.540.000	-		-
1	Phạm Thanh Phú	0110218883	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
2	Nguyễn Dương	0109570919	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
3	Ôn Thị Thanh Thanh	0108307286	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
4	Mai Thị Nguyệt	010996616	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
5	Bùi Diễm Từ Minh	0109429054	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
III Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng				5.406.000	-		-	-					5.406.000	-		-
1.	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
2	Lê Thị Yến Trinh	0109280578	NH Đồng Á	1.908.000									1.908.000			
3	Bùi Thị Hương Huệ	079178021922	NH Đồng Á	1.590.000									1.590.000			

Tổng số tiền bảng chữ: *Bảy mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn hai trăm đồng.*

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

